

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - PT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HS-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - PT

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Bình Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Huyền Ngọc;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - PT.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 3 - PT, tham gia phiên toà:** Ông Đỗ Đức Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2025, Tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 3 - PT, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2025/TLST-HS ngày 17/7/2025; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HS ngày 01/8/2025 đối với bị cáo: **Lê Đại D**; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 10 tháng 12 năm 1993; Nơi ở: Khu 1, xã HC, tỉnh PT; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Số CCCD: 025093013253, cấp ngày 09/12/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Bố đẻ: Lê Đức L, sinh năm 1964; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1969; Vợ: Cà Thị B, sinh năm 1998; Con: Có 01 con sinh năm 2018; Tiền án: Có 01 tiền án: Bản án số: 108/2020/HS-ST ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, xử phạt 08 năm tù về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” (ra trại ngày 24/01/2025); Tiền sự: Không; Nhân thân: + Quyết định XPVPHC số 69 ngày 18/5/2011 của Công an huyện Lâm Thao, PT, xử phạt 500.000 đồng, về hành vi Tự tập đông người gây mất trật tự công cộng, đã chấp hành xong ngày 24/5/2011; + Quyết định đưa vào CSGD số 1055 ngày 23/4/2012 của UBND tỉnh PT, Quyết định đưa vào Trường giáo dưỡng, trong thời hạn 24 tháng, đã chấp hành xong ngày 30/12/2013; + Bản án số: 49/2014/HS-ST ngày 01/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, PT, xử phạt 36 tháng tù về tội Cướp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt chính ngày 19/9/2016, chấp hành xong về dân sự ngày 19/9/2014; + Quyết định XPVPHC số: 46 ngày 24/02/2020 của Công an huyện Lâm Thao, PT, xử phạt 2.500.000 đồng, về hành vi Xâm hại đến sức khỏe của người khác, đã chấp hành xong ngày 13/4/2020; + Quyết định XPVPHC số: 1223 ngày 06/5/2020 của UBND TP. Việt Trì, PT, xử phạt: 5.000.000 đồng về hành vi Không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người tại nơi công cộng trong thời gian phòng chống dịch Covid - 19 và 750.000 đồng về hành vi Sử dụng trái

phép chất ma túy. Quá trình xác minh xác định D chưa chấp hành quyết định trên; Cơ quan ra quyết định xử phạt không áp dụng biện pháp cưỡng chế hành chính; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2025. Hiện nay đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực thị xã PT thuộc trại tạm giam công an tỉnh PT, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 17 giờ 45 phút ngày 27/3/2025, tại khu vực gần cổng chào thuộc khu 11, xã A Đ, huyện PN, tỉnh PT (nay là xã BP, tỉnh PT), Tổ công tác Công an tỉnh PT lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Đại D, sinh năm: 1993, nơi ở hiện tại: Khu 1, xã HC, tỉnh PT, về hành vi : “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Vật chứng, đồ vật thu giữ trên người D, gồm: 01 túi nilon màu trắng một đầu có mép dán bịt kín, có viền kẻ màu xanh, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng; 01 túi nilon màu trắng một đầu có mép dán bịt kín có viền kẻ màu đỏ, bên trong có chứa 02 viên nén hình chữ nhật màu xám, trên mỗi mặt của mỗi viên nén đều in chữ “VL”; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, đã qua sử dụng, kèm 01 sim số 0388.561.093; 01 thẻ căn cước mang tên Lê Đại D.

Tổ công tác đã mời chính quyền địa phương, người chứng kiến đến tiến hành lập biên bản ghi nhận lại nội dung sự việc và thu giữ, niêm phong vật chứng theo quy định.

Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra việc sử dụng chất ma túy của Lê Đại D, kết quả: D D tính với ma túy MDMA, Ketamine, Methamphetamine, Amphetamine.

Cùng ngày 27/3/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh PT đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh PT giám định chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 02 viên nén hình chữ nhật màu xám thu giữ của Lê Đại D. Tại bản Kết luận giám định số 336/KL-KTHS, ngày 31/3/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh PT, kết luận:

“- *Chất rắn dạng tinh thể màu trắng chứa trong 01 túi nilon màu trắng, một đầu có mép dán, có khuy bấm bịt kín, viền kẻ màu xanh trong Bì niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng **0,972 gam**, loại **Ketamine**.*

- *02 viên nén hình chữ nhật màu xám, trong đó trên một mặt của mỗi viên đều có in chữ “VL” chứa trong 01 túi nilon màu trắng, một đầu có mép dán bịt kín, có viền kẻ màu đỏ trong Bì niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có tổng khối lượng **0,791 gam**, loại **Methamphetamine, Ketamine, MDMA**. Khối lượng trung bình của một viên nén là: 0,395gam.*

**MDMA là chất ma túy STT: 11, Danh mục IB, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ.*

**Ketamine là chất ma túy STT: 40, Danh mục III, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ.*

**Methamphetamine: Số thứ tự 247, Danh mục IIC, Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ...*

Hoàn lại đối tượng giám định: “0,655 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng; 0,398 gam viên nén hình chữ nhật màu xám, trên một mặt của viên nén có

in chữ “VL” cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định được niêm phong, dán kín trong 01 túi niêm phong...”.

Ngày 13/5/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh PT đã ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 3479 ngày 13/5/2025 giám định bổ sung hàm lượng chất ma túy trong mẫu vật thu giữ của Lê Đại D. Tại bản Kết luận giám định số 3855/KL - KTTHS ngày 16/5/2025 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: “Hàm lượng chất ma túy Ketamine, MDMA và Methamphetamine có trong mẫu viên nén gửi giám định lần lượt là 4,6%, 36,8% và 1,6%.”

Ngày 28/3/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh PT đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Đại D, quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Quá trình điều tra, Lê Đại D khai nhận mục đích và nguồn gốc số ma túy, như sau: Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng 19 giờ ngày 26/3/2025, D đi xe máy một mình đến khu vực đèn đỏ đầu cầu Ngọc Thập thuộc địa phận thị xã PT để tìm mua ma túy để sử dụng. Tại đây D gặp một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ và hỏi mua của người đàn ông này 2.000.000 đồng ma túy tổng hợp (keo) và ma túy Ketamine (ke), người đàn ông đồng ý cầm tiền và bảo D đứng đợi. Khoảng 20 phút sau người đàn ông quay lại và đưa cho D 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long loại vỏ cứng, D biết bên trong có ma túy nên không mở ra xem mà cầm rồi đi về. Khi về đến nhà, D mở bao thuốc ra kiểm tra thấy bên trong có 02 túi nilon màu trắng, trong đó: 01 túi nilon màu trắng có mép dán bịt kín, có viên kẻ màu xanh bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng là ma túy ketamine; 01 túi nilon màu trắng có mép dán bịt kín, có viên kẻ màu đỏ, bên trong có chứa 03 viên nén hình chữ nhật màu xám, một mặt mỗi viên nén đều in chữ “VL” là ma túy tổng hợp. D lấy 01 viên ma túy tổng hợp (Keo) sử dụng và cho một ít ma túy Ketamine ra đĩa sử dụng một mình cho bản thân. Số ma túy Ketamine còn lại và 02 viên thuốc lác D cất đi. Đến 17 giờ 30 phút ngày 27/03/2025, D mang theo số ma túy này đang đứng gần khu vực gần cổng chào thuộc khu 11, xã BP, tỉnh PT để tìm nơi sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an tỉnh PT phát hiện, kiểm tra, thu giữ vật chứng như nội dung nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 01/CT-VKSKV3 ngày 10 tháng 7 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - PT, truy tố bị cáo Lê Đại D về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng;
- Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố; Sau khi luận tội đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Đại D phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về điều luật áp dụng: điểm i khoản 1, khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về hình phạt chính: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Đại D từ 30 tháng tù đến 34 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 27/3/2025.

Về hình phạt bổ sung: Tịch thu bán sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, đã qua sử dụng.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu cho tiêu huỷ: 0,655gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng; 0,398 gam viên nén hình chữ nhật màu xám, trên một mặt của viên nén có in chữ “VL” cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định được niêm phong, dán kín trong 01 Bì giấy dán kín số 3855/KL-KTHS của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, bên ngoài có đóng 05 hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự và chữ ký của thành phần tham gia niêm phong tại các mép và 01 phôi điện thoại, sim số 0388.561.093.

- Trả lại cho bị cáo Lê Đại D: 01 thẻ căn cước mang tên Lê Đại D.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì khác về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh PT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - PT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Hồi 17 giờ 30 phút ngày 27/3/2025, tại khu vực gần cổng chào thuộc khu 11, xã BP, tỉnh PT, Lê Đại D đã có hành vi tàng trữ trên người 0,972 gam ma túy, loại Ketamine và 0,791 gam ma túy, loại Methamphetamine, Ketamine, MDMA, có tổng khối lượng 1,763 gam, với mục đích để sử dụng, bị Tổ công tác Công an tỉnh PT phát hiện, thu giữ.

Hành vi nêu trên của Lê Đại D đã phạm vào tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” được quy định tại điểm i khoản 1 điều 249 của Bộ luật hình sự.

Điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này”.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo thuộc loại tội phạm nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về các chất ma túy mà còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn nên cần phải xử lý thật nghiêm.

Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án về tội phạm ma túy, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội phạm ma túy chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Vì vậy căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên cần thiết phải xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Đối với 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, đã qua sử dụng, đây là tài sản của bị cáo D nên cần áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, tịch thu bán sung quỹ nhà nước là phù hợp.

Đối với người nam giới bán ma túy cho D, quá trình điều tra không xác định được thông tin, lai lịch nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm trong vụ án, là phù hợp.

[4]. *Về xử lý vật chứng:*

- Ma túy là chất nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy 0,655 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng; 0,398 gam viên nén hình chữ nhật màu xám, trên một mặt của viên nén có in chữ “VL” cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định được niêm phong, là mẫu vật hoàn lại sau giám định, là phù hợp;

- Đối với 01 phôi sim điện thoại, sim số 0388.561.093 không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- Đối với 01 Căn cước mang tên Lê Đại D, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo là phù hợp;

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

V× c, c lĩ trªn,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. *Căn cứ vào:* điểm i khoản 1, khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2]. *Tuyên bố:* Bị cáo Lê Đại D phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[3]. *Xử phạt:* Bị cáo Lê Đại D 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 27/3/2025.

Về hình phạt bổ sung: Tịch thu bán sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, số IMEI: 356690116385251, đã cũ, đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo Lê Đại D.

[4]. *Về xử lý vật chứng:*

- Tịch thu cho tiêu huỷ: 0,655gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng; 0,398 gam viên nén hình chữ nhật màu xám, trên một mặt của viên nén có in chữ “VL” cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định được niêm phong, dán kín trong 01 Bì giấy dán kín số 3855/KL-KTHS của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, bên ngoài có đóng 05 hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự và chữ ký của thành phần tham gia niêm phong tại các mép và 01 phôi điện thoại, sim số 0388.561.093.

- Trả lại cho bị cáo 01 Căn cước công dân mang tên Lê Đại D;

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31/7/2024 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - PT).

[5]. *Về án phí:* Buộc bị cáo Lê Đại D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[6]. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo được quyền kháng cáo, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh PT;
- VKSND tỉnh PT;
- VKSND khu vực 3 - PT;
- Trại tạm giam Công an tỉnh PT;
- Công an tỉnh PT;
- Sở Tư Pháp tỉnh PT;
- THADS tỉnh PT;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS, AV.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bình Luyến